



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Article info

Type of article:

Scientific information

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.232-242>

***Corresponding author:**

Email address:

quang.dinh@tlu.edu.vn

Received: 12/08/2026

Received in Revised Form:
14/09/2026

Accepted: 14/09/2026

From a single journal to a journal system: the scientific journal agency model under Vietnam's 2025 Press Law and the standardisation pathway towards Scopus — evidence from Thuyloi University

Dinh Nhat Quang

Thuyloi University, Hanoi, Vietnam

Abstract: This study revisits the bottleneck in upgrading Vietnamese scholarly journals towards Scopus and Web of Science. Drawing on the international selection criteria, the legal framework established in 2025 and a case study of the Journal of Water Resources and Environmental Engineering, it argues that the main obstacle lies not only in the editorial practice of an individual title but also in how a university organises scholarly publishing. The substantive novelty of Vietnam's 2025 Press Law for universities is not the right to establish a scientific journal, recognised since the 2016 Press Law, but the recognition of a scientific journal agency authorised to publish multiple journals, which provides a basis for separating legal–organisational, academic and operational–data responsibilities. An internal self-assessment against Scopus reference criteria, using data to June 2026, scored 12.5 out of 26; the five criteria on digital infrastructure, persistent identifiers, citation standards and the diversity of editorial board and author origin scored only 2.5 out of 10. The score structure suggests that the current model could improve to about 18.5 out of 26, with the remaining gap tied to infrastructure and network conditions that only an organisational change can create. The results are indicative and have not been independently validated. The paper proposes a two-component journal system, an indicative standardisation roadmap towards a possible Scopus application in 2030 with Web of Science (ESCI) as a secondary track, and five recommendations on mechanisms, policies and resources; implementation depends on institutional approval and resources.

Keywords: scientific journal agency, Vietnam Press Law 2025, Scopus, Web of Science, publishing governance.



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Thông tin bài viết
Dạng bài viết:
Thông tin khoa học

DOI:
<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.232-242>

*Tác giả liên hệ:
Địa chỉ Email:
quang.dinh@tlu.edu.vn

Ngày nộp bài: 12/08/2026
Ngày nộp bài sửa: 14/09/2026
Ngày chấp nhận: 14/09/2026

Từ một tạp chí đến một hệ thống tạp chí: mô hình cơ quan tạp chí khoa học theo Luật Báo chí năm 2025 và lộ trình chuẩn hóa theo Scopus — từ thực tiễn Trường Đại học Thủy lợi

Đinh Nhật Quang
Trường Đại học Thủy lợi, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu đặt lại vấn đề về nút thắt của quá trình nâng chuẩn tạp chí khoa học Việt Nam theo Scopus và Web of Science. Trên cơ sở phân tích khung tiêu chí quốc tế, khung pháp lý mới hình thành trong năm 2025 và nghiên cứu trường hợp Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, nghiên cứu lập luận rằng trở ngại chủ yếu không chỉ nằm ở kỹ thuật biên tập của từng ấn phẩm mà còn nằm ở mô hình tổ chức hoạt động xuất bản khoa học của cơ sở giáo dục đại học. Điểm mới của Luật Báo chí năm 2025 đối với trường đại học không phải là tư cách chủ thể — quyền thành lập tạp chí khoa học đã được ghi nhận từ Luật Báo chí năm 2016 — mà là việc thừa nhận cơ quan tạp chí khoa học được xuất bản nhiều tạp chí, qua đó tạo cơ sở để tách bạch ba lớp trách nhiệm pháp lý — tổ chức, học thuật và vận hành — dữ liệu. Kết quả tự đánh giá nội bộ theo bộ tiêu chí tham chiếu Scopus, dữ liệu đến tháng 6/2026, đạt 12,5/26 điểm, trong đó nhóm năm tiêu chí về hạ tầng số, định danh học thuật, chuẩn trích dẫn và mức độ đa dạng nguồn gốc hội đồng biên tập, tác giả chỉ đạt 2,5/10 điểm; phân tích cấu trúc điểm cho thấy mô hình hiện hành còn dư địa cải thiện tới khoảng 18,5/26, phần còn lại gắn với các điều kiện về hạ tầng và mạng lưới mà một thay đổi về mô hình tổ chức mới tạo được. Kết quả chỉ có giá trị tham chiếu và chưa được kiểm định độc lập. Nghiên cứu đề xuất mô hình hệ thống hai hợp phần, lộ trình chuẩn hóa dự kiến hướng tới khả năng nộp hồ sơ Scopus năm 2030 với Web of Science (ESCI) làm tuyến bổ trợ, và năm kiến nghị về cơ chế, chính sách và nguồn lực; việc triển khai phụ thuộc vào phê duyệt và nguồn lực của Nhà trường.

Từ khóa: cơ quan tạp chí khoa học, Luật Báo chí năm 2025, Scopus, Web of Science, quản trị xuất bản học thuật.

1. Giới thiệu

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 [1] và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị [2] xác lập yêu cầu mới đối với các cơ sở giáo dục đại học: trở thành chủ thể tiên phong trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Cụ thể hóa hai nghị quyết, Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội ban hành Đề án số 01-ĐA/ĐU ngày 29/4/2026 [3], với chỉ tiêu phấn đấu có từ 5–7 tạp chí khoa học của các cơ sở giáo dục đại học trong Đảng bộ được gia nhập hệ thống trích dẫn quốc tế uy tín (Scopus hoặc Web of

Science – WoS). Chỉ tiêu này được thể chế hóa thành chỉ số KH02 trong bộ chỉ số đánh giá kèm theo Đề án và giao thành đề án nhánh về phát triển tạp chí khoa học đạt chuẩn quốc tế, đơn vị chủ trì là các trường đại học có tạp chí khoa học, giai đoạn 2026–2030.

Song song, khung pháp lý chuyên ngành thay đổi căn bản chỉ trong hơn một năm: Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025 [4]; Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 [5] và Thông tư số 27/2025/TT-BKHCHN ngày 31/10/2025 [6] quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam; và Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10/12/2025, hiệu lực từ 01/7/2026 [7], quy định cơ sở giáo dục đại học được đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí để thành lập cơ quan tạp chí khoa học và cơ quan tạp chí khoa học được xuất bản nhiều tạp chí khoa học.

Tuy nhiên, kinh nghiệm vận hành tạp chí của chính đơn vị nghiên cứu cho thấy việc nâng cấp giao diện trang thông tin điện tử, bổ sung tóm tắt tiếng Anh hay ban hành quy trình phản biện kín – những cải tiến đúng đắn và cần thiết – thường chưa đủ để đưa một tạp chí tiến gần hơn tới các cơ sở dữ liệu quốc tế. Từ đó, nghiên cứu đặt câu hỏi: nút thắt thực sự nằm ở kỹ thuật biên tập của từng ấn phẩm, hay ở mô hình tổ chức hoạt động xuất bản khoa học của cơ sở giáo dục đại học? Nghiên cứu lập luận theo hướng thứ hai, với đóng góp gồm ba nội dung: nhận diện bốn giới hạn cấu trúc của mô hình một tạp chí đơn lẻ; trình bày kết quả tự đánh giá khoảng cách theo bộ tiêu chí tham chiếu Scopus của một tạp chí đại học có hơn hai mươi năm hoạt động, trong đó Web of Science (Emerging Sources Citation Index – ESCI) được xem xét như tuyến bổ trợ; và đề xuất mô hình tổ chức cùng lộ trình chỉ mục hóa dự kiến, gắn với các kiến nghị chính sách cụ thể.

2. Cơ sở khoa học và khung tham chiếu

2.1. Khung tiêu chí của Scopus và Web of Science

Bộ tiêu chí công khai của Scopus gồm hai

lớp [8]. Lớp thứ nhất là năm điều kiện tối thiểu bắt buộc, được đối chiếu chi tiết tại Bảng 2. Lớp thứ hai là năm nhóm tiêu chí đánh giá do Hội đồng tư vấn và lựa chọn nội dung (*Content Selection and Advisory Board – CSAB*) xem xét: chính sách của tạp chí, bao gồm định hướng biên tập, loại hình bình duyệt và mức độ đa dạng địa lý của biên tập viên và tác giả; nội dung; vị thế của tạp chí thể hiện qua mức độ trích dẫn và uy tín của biên tập viên; tính đều kỳ xuất bản; và khả năng truy cập trực tuyến.

Bộ tiêu chí của Web of Science Core Collection có cấu trúc khác biệt, gồm 24 tiêu chí chất lượng và 04 tiêu chí ảnh hưởng [9]. Tạp chí trước hết cần đáp ứng 24 tiêu chí chất lượng để được đưa vào ESCI; tạp chí đáp ứng thêm 04 tiêu chí ảnh hưởng mới được xem xét đưa vào SCIE, SSCI hoặc AHCI tùy lĩnh vực. Cấu trúc hai bậc này có ý nghĩa đối với việc hoạch định lộ trình: ESCI là bậc tiếp nhận ban đầu, tập trung vào chuẩn mực biên tập và minh bạch quy trình, chưa đòi hỏi ngưỡng ảnh hưởng trích dẫn [9]. Với một tạp chí đang ở giai đoạn chuẩn hóa, hồ sơ ESCI vì vậy có thể được chuẩn bị song song với hồ sơ Scopus như một tuyến bổ trợ trên cùng một nền minh chứng; bài viết chưa có căn cứ để so sánh mức độ khả thi hoặc thời gian của hai tuyến.

Điểm chung của cả hai bộ tiêu chí là phần lớn các tiêu chí đều là thuộc tính của tổ chức xuất bản – chính sách, quy trình, tính đều kỳ, hạ tầng, thành phần hội đồng – chứ không phải thuộc tính của từng bài báo riêng lẻ. Đây là căn cứ đầu tiên cho luận điểm của nghiên cứu.

2.2. Bốn giới hạn cấu trúc của mô hình một tạp chí đơn lẻ

Giới hạn thứ nhất là một ấn phẩm phải phục vụ nhiều mục tiêu khác nhau. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường ra đời năm 2003, khi Nhà trường cần một diễn đàn học thuật thống nhất. Cùng quá trình phát triển đa ngành, tạp chí mở rộng phạm vi để phục vụ nhiều đơn vị chuyên môn, từ thủy lợi, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, xây dựng, cơ khí, điện – điện tử, công nghệ thông tin, hóa – môi trường đến kinh tế và quản trị kinh

doanh. Đồng thời, tạp chí vừa phục vụ nhu cầu công bố trong nước bằng tiếng Việt, vừa đảm nhiệm nhiệm vụ hội nhập quốc tế qua 01 số tiếng Anh mỗi năm. Hai nhiệm vụ này có chuẩn mực và đối tượng độc giả khác nhau nhưng hiện được thực hiện trong cùng một đầu tạp chí, cùng một hội đồng biên tập và cùng một quy trình.

Giới hạn thứ hai là nhân sự kiêm nhiệm và tính đúng hạn. Tính đều kỳ xuất hiện ở cả hai bộ tiêu chí quốc tế: Scopus đưa yêu cầu xuất bản đều đặn vào điều kiện tối thiểu và xếp tính đều kỳ thành một nhóm riêng [8]; Web of Science đưa nội dung này vào nhóm 24 tiêu chí chất lượng [9]. Tại tạp chí được nghiên cứu, bộ máy tòa soạn gồm 01 Tổng biên tập, 02 Phó Tổng biên tập, 01 Trưởng Ban Biên tập và 01 Thư ký Tòa soạn, toàn bộ kiêm nhiệm và đảm nhiệm cả công việc học thuật lẫn kỹ thuật. Cơ cấu này đặt ra yêu cầu phân định nhiệm vụ, bố trí thời gian và có cơ chế hỗ trợ vận hành phù hợp để duy trì tính đúng hạn và tính nhất quán của quy trình khi khối lượng giảng dạy, nghiên cứu của các thành viên tăng lên.

Giới hạn thứ ba là hạ tầng phân tán và thiếu dữ liệu học thuật. Một tạp chí không vận hành trên nền tảng quản lý bản thảo điện tử thì rất khó tạo ra dữ liệu về chính mình: thời gian xử lý bản thảo

trung bình, tỷ lệ từ chối, tỷ lệ bài và phản biện ngoài đơn vị, tỷ lệ bài có DOI (*Digital Object Identifier* – mã định danh số) – chính là những dữ liệu thường được yêu cầu cung cấp khi đánh giá quốc tế. Nói cách khác, thiếu hạ tầng số không chỉ làm quy trình chậm, mà còn làm cho tạp chí thiếu bằng chứng để chứng minh năng lực vận hành của mình. Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN còn bổ sung một lớp nghĩa vụ mới về kiểm tra trùng lặp, chuẩn hóa cấu trúc bài báo, chuẩn trích dẫn, sử dụng DOI để xác thực trích dẫn và cập nhật thông tin bài báo lên hệ thống thông tin quốc gia đúng thời hạn [6] – những nghĩa vụ khó duy trì ổn định nếu thực hiện thủ công.

Giới hạn thứ tư là chưa tách bạch quản trị học thuật và quản trị vận hành. Trong cơ chế phân công hiện hành, bốn loại trách nhiệm khác nhau về bản chất – định hướng học thuật, pháp lý báo chí, tài chính và kỹ thuật – cùng dồn vào một đầu mối. Cơ chế này tiềm ẩn nguy cơ quyết định học thuật chịu áp lực từ ràng buộc tiến độ; các chính sách xuất bản khó được ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên vì không có bộ phận chuyên trách; và năng lực tích lũy gắn với cá nhân chứ không gắn với tổ chức. Bảng 1 tổng hợp bốn giới hạn này cùng nhóm tiêu chí quốc tế chịu tác động tương ứng.

Bảng 1. Bốn giới hạn cấu trúc và nhóm tiêu chí quốc tế chịu tác động

Giới hạn cấu trúc	Nhóm tiêu chí quốc tế chịu tác động
Một ấn phẩm phục vụ nhiều mục tiêu khác nhau	Nhóm nội dung (Scopus); tính rõ ràng của phạm vi và đối tượng độc giả (WoS); khả năng tích lũy trích dẫn
Nhân sự kiêm nhiệm	Tính đều kỳ và đúng hạn (điều kiện tối thiểu của Scopus; nhóm tiêu chí chất lượng của WoS)
Hạ tầng phân tán, thiếu dữ liệu	Công khai quy trình bình duyệt (Scopus, WoS); khả năng truy cập trực tuyến (Scopus); nghĩa vụ theo Thông tư 27/2025/TT-BKHCN
Chưa tách bạch quản trị học thuật và vận hành	Công khai tuyên bố đạo đức xuất bản (Scopus, WoS); chính sách của tạp chí và tính độc lập của quyết định biên tập (WoS); năng lực tổ chức bền vững

Bốn giới hạn này có đặc điểm chung: đều là vấn đề tổ chức chứ không phải vấn đề kỹ thuật thuần túy, nên khó giải quyết triệt để chỉ bằng cách đầu tư thêm cho một ấn phẩm đơn lẻ.

2.3. Mô hình cơ quan tạp chí khoa học theo Luật Báo chí năm 2025

Cần phân biệt rõ: điểm mới của Luật Báo chí năm 2025 đối với trường đại học không phải là tự

cách chủ thể. Điều 14 Luật Báo chí năm 2016 đã liệt kê cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học trong nhóm đối tượng được thành lập tạp chí khoa học [10]. Điểm mới thực chất là mô hình tổ chức: sự thừa nhận khái niệm cơ quan tạp chí khoa học và việc cho phép cơ quan này xuất bản nhiều tạp chí khoa học [7]. Phân biệt này quan trọng, bởi toàn bộ lập luận của nghiên cứu dựa trên thay đổi về mô hình, không dựa trên thay đổi về quyền thành lập.

Ý nghĩa của thay đổi này vượt xa phạm vi thủ tục cấp phép: nó tạo cơ sở pháp lý để tách bạch ba lớp trách nhiệm thường chồng lấn trong mô hình một tạp chí đơn lẻ. Cách phân định dưới đây là phương án quản trị do nghiên cứu đề xuất trên cơ sở đó, không phải mô hình phân công được luật quy định trực tiếp. Lớp pháp lý – tổ chức thuộc cơ quan tạp chí khoa học của trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện giấy phép hoạt động báo chí, quản lý mô hình xuất bản nhiều tạp chí, bảo đảm tuân thủ pháp luật và trách nhiệm giải trình. Lớp học thuật thuộc hội đồng biên tập từng tạp chí, xác định phạm vi học thuật, tổ chức phản biện, quyết định chấp nhận bài, mời bài và xây dựng uy tín chuyên môn. Lớp vận hành – dữ liệu thuộc đầu mối chuyên trách cùng thư ký học thuật, biên tập viên và bộ phận kỹ thuật, thực hiện sơ loại bản thảo, điều phối phản biện, theo dõi tiến độ xuất bản, quản trị nền tảng dùng chung, DOI, siêu dữ liệu, lưu trữ số và hỗ trợ chỉ mục hóa.

Từ đó rút ra nguyên tắc thiết kế cốt lõi: mỗi tạp chí có bản sắc học thuật riêng và hội đồng biên tập riêng, nhưng cùng sử dụng một hạ tầng kỹ thuật, một bộ quy trình chuẩn, một bộ chuẩn mực đạo đức xuất bản và một đầu mối hỗ trợ vận hành thống nhất ở cấp trường. Cần lưu ý rằng chuyển sang mô hình hệ thống không đồng nghĩa với tăng số đầu tạp chí một cách cơ học; việc phát triển thêm tạp chí chỉ có ý nghĩa khi hội đủ bốn điều kiện: định vị học thuật rõ ràng, hội đồng biên tập thực chất, nguồn bài ổn định và khả năng bảo đảm điều kiện vận hành liên tục.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng và nguồn dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp kết hợp phân tích văn bản quy phạm pháp luật và tự đánh giá theo bộ tiêu chí tham chiếu. Đối tượng là Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, thành lập năm 2003, số đầu tiên xuất bản tháng 6/2003, đến tháng 6/2026 đã xuất bản liên tục đến Số 99 với tần suất được nâng dần theo từng giai đoạn và hiện duy trì 05 số/năm. Tạp chí được cấp lại giấy phép hoạt động báo chí số 498/GP-BTTTT ngày 17/10/2022, mang mã số ISSN 1859-3941, tên tiếng Anh hiện dùng là *Journal of Water Resources and Environmental Engineering*, xuất bản 04 số tiếng Việt và 01 số tiếng Anh mỗi năm, trong đó số tiếng Anh được duy trì từ năm 2020. Hội đồng biên tập gồm 17 thành viên, chủ yếu là các nhà khoa học trong nước. Tạp chí nằm trong danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước, với mức điểm công trình tối đa 1,0 điểm đối với ngành Thủy lợi. Dữ liệu nền được chốt đến hết tháng 6/2026 theo hồ sơ nội bộ và thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Tạp chí; các văn bản chính sách ban hành sau thời điểm này chỉ được sử dụng cho phân bối cảnh và đề xuất.

3.2. Công cụ tự đánh giá và giới hạn của nghiên cứu

Công cụ tự đánh giá gồm 12 tiêu chí trên thang 26 điểm, được xây dựng bằng cách diễn giải các nhóm tiêu chí công khai của Scopus thành các chỉ báo có thể quan sát được từ hồ sơ và trang thông tin điện tử của tạp chí. Mỗi tiêu chí có trọng số 2 điểm, riêng tiêu chí chất lượng học thuật của bài báo có trọng số 4 điểm do vai trò quyết định của nội dung. Các tiêu chí trọng số 2 được chấm theo thang bước 0,5 (0; 0,5; 1; 1,5; 2), với ba mức neo: 0 – chưa có; 1 – đã có ở mức cơ bản nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ quốc tế; 2 – đáp ứng đầy đủ; các mức 0,5 và 1,5 dùng cho trường hợp trung gian. Tiêu chí chất lượng học thuật được chấm trên thang từ 0 đến 4 theo cách tương tự. Căn cứ chấm điểm là hồ sơ nội bộ và thông tin công khai của Tạp chí tại thời điểm chốt dữ liệu, được tóm tắt cho từng tiêu chí tại Mục 4.2; hồ sơ gốc có thể được cung cấp theo yêu cầu trong phạm

vi được phép chia sẻ. Việc gán trọng số 4 cho tiêu chí chất lượng học thuật là lựa chọn của tác giả, chưa được kiểm định thực nghiệm.

Ba giới hạn cần được nêu rõ. Thứ nhất, mô hình và lộ trình trình bày dưới đây là đề xuất nghiên cứu, không đại diện cho quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cam kết triển khai của Nhà trường. Thứ hai, công cụ tự đánh giá do chính tác giả xây dựng và tự chấm, chưa được kiểm định độ tin cậy, chưa có đánh giá độc lập và chưa có ngưỡng đối sánh với các tạp chí đã được chỉ mục; kết quả không phải là đánh giá của Scopus, Clarivate hay bất kỳ tổ chức thẩm định độc lập nào. Thứ ba, đây là nghiên cứu một trường

hợp, nên những nhận định mang tính khái quát về hệ thống tạp chí đại học Việt Nam cần được xem là giả thuyết cần kiểm chứng bằng khảo sát rộng hơn; vai trò của tác giả trong xây dựng đề án cũng có thể ảnh hưởng đến việc lựa chọn và diễn giải bằng chứng.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đối chiếu với điều kiện tối thiểu của Scopus

Trước khi bàn tới thang điểm chi tiết, cần xem xét câu hỏi cơ bản nhất: tạp chí có đáp ứng ngưỡng sàng lọc đầu tiên hay không. Kết quả tự đối chiếu với năm điều kiện tối thiểu [8] được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Tự đối chiếu với năm điều kiện tối thiểu của Scopus

Điều kiện tối thiểu	Tự đánh giá và khoảng trống
Nội dung được bình duyệt và công khai mô tả quy trình bình duyệt	Đạt ở mức cơ bản. Đã công bố quy trình phản biện kín; cần bổ sung mô tả chi tiết các bước và cách xử lý ý kiến trái chiều
Xuất bản đều đặn và có ISSN đã đăng ký	Đạt với ISSN 1859-3941. Chưa có e-ISSN; cần đăng ký khi triển khai xuất bản điện tử, tuy đây không phải điều kiện riêng của Scopus khi đã có ISSN đăng ký phù hợp
Có lịch sử xuất bản để đánh giá	Đạt với tạp chí hiện hữu (99 số từ năm 2003); chưa áp dụng được với tạp chí tiếng Anh độc lập, nếu hình thành, vì số tiếng Anh chưa tạo thành lịch sử xuất bản của một đầu tạp chí riêng
Nội dung tiếp cận được với độc giả quốc tế	Đạt về hình thức: các bài báo có tiêu đề, tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh
Công khai tuyên bố đạo đức xuất bản và chống hành vi sai trái	Đạt ở mức cơ bản. Chưa đầy đủ về xung đột lợi ích, dữ liệu nghiên cứu và sử dụng trí tuệ nhân tạo

Kết quả tự đối chiếu cho thấy tạp chí hiện hữu đã có nền tảng đáp ứng các điều kiện sàng lọc ban đầu; mức độ đáp ứng cần được xác nhận bằng đối chiếu trực tiếp hồ sơ khi chuẩn bị nộp. Ba nội dung cần hoàn thiện là mô tả chi tiết quy trình bình duyệt, bộ chính sách đạo đức xuất bản và việc đăng ký e-ISSN khi triển khai xuất bản điện tử. Riêng đối với định hướng tạp chí tiếng Anh độc lập, điều kiện về lịch sử xuất bản là ràng buộc quyết định lộ trình, sẽ được phân tích tại Mục 4.4.

4.2. Kết quả tự đánh giá khoảng cách

Trên thang tham chiếu 26 điểm, kết quả tự chấm nội bộ đạt 12,5 điểm. Chi tiết theo từng tiêu chí được trình bày tại Bảng 3.

Căn cứ chấm điểm theo hồ sơ nội bộ và trang

điện tử của Tạp chí tại thời điểm chốt dữ liệu: tiêu chí 1 (1,5) – 99 số liên tục từ 2003, 05 số/năm, chưa công khai lịch xuất bản và ngày nhận, chấp nhận bài; tiêu chí 2 (1,5) – có quy chế phản biện kín với tối thiểu 02 phản biện, chưa quy định đầy đủ về sơ loại và xử lý ý kiến trái chiều; tiêu chí 3 (1,0) – hướng dẫn tác giả có chuẩn trích dẫn, chưa yêu cầu DOI; tiêu chí 4 (1,5) – điểm tối đa 1,0 của Hội đồng Giáo sư nhà nước, chưa tổng hợp dữ liệu trích dẫn; tiêu chí 5 (1,5) – đã công khai thông tin cơ bản, thiếu bản tiếng Anh và một số chính sách; tiêu chí 6 (0,5) – có thành viên ngoài Trường, chưa có thành viên ở nước ngoài; tiêu chí 7 (0,5) – có tác giả ngoài đơn vị, tỷ lệ quốc tế rất thấp; tiêu chí 8 (1,0) – đủ thành phần cơ bản, chưa có ORCID,

ngày nhận và chấp nhận bài, khai báo tài trợ và xung đột lợi ích; tiêu chí 9 (0) – xử lý qua thư điện tử; tiêu chí 10 (2,0) – đạt chuẩn quốc gia, chưa có trích dẫn quốc tế ổn định; tiêu chí 11 (1,0) – có

chính sách đạo đức cơ bản, thiếu nội dung về xung đột lợi ích, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, đính chính, rút bài; tiêu chí 12 (0,5) – toàn văn đăng công khai trên trang điện tử, chưa có e-ISSN, DOI, ORCID.

Bảng 3. Kết quả tự đánh giá theo các tiêu chí tham chiếu Scopus

TT	Tiêu chí tham chiếu	Tối đa	Tự chấm
1	Xuất bản đúng hạn, tính đều kỳ	2	1,5
2	Quy trình phản biện	2	1,5
3	Tài liệu tham khảo và chuẩn trích dẫn	2	1,0
4	Mức độ trích dẫn, uy tín học thuật	2	1,5
5	Công khai thông tin cơ bản của tạp chí	2	1,5
6	Đa dạng nguồn gốc thành viên hội đồng biên tập	2	0,5
7	Đa dạng nguồn gốc tác giả	2	0,5
8	Chuẩn hóa hình thức bài báo	2	1,0
9	Hệ thống gửi bài và phản biện trực tuyến	2	0
10	Chất lượng học thuật của bài báo	4	2,0
11	Đạo đức xuất bản và liêm chính học thuật	2	1,0
12	Tính sẵn sàng về hạ tầng dữ liệu và định danh số	2	0,5
Tổng cộng		26	12,5

Ghi chú: Điểm tự chấm theo thang bước 0,5 định nghĩa tại Mục 3.2, dữ liệu chốt đến hết tháng 6/2026. Kết quả mang tính tham chiếu; công cụ do tác giả tự xây dựng, chưa kiểm định độ tin cậy và chưa có đánh giá độc lập.

Cấu trúc điểm cho thấy hai nhóm khoảng trống khác nhau về bản chất. Năm tiêu chí gắn với chuẩn trích dẫn, đa dạng hội đồng biên tập và tác giả, hệ thống trực tuyến và định danh số (tiêu chí 3, 6, 7, 9, 12) chỉ đạt 2,5/10 điểm; đây là những nội dung đòi hỏi hạ tầng, nhân lực kỹ thuật chuyên trách và mạng lưới học thuật, khó xử lý trong khuôn khổ một tòa soạn kiêm nhiệm. Bảy tiêu chí còn lại đạt 10,0/16 điểm; phần thiếu 6,0 điểm có thể cải thiện ngay trong mô hình hiện hành bằng cách siết sơ loại, nâng chất lượng phản biện, thống nhất khuôn dạng bài báo, hoàn thiện chính sách đạo đức và công khai lịch xuất bản. Như vậy, nếu hoàn thiện toàn bộ nhóm thứ hai, tổng điểm có thể đạt khoảng 18,5/26; 7,5 điểm còn lại gắn với các điều kiện về hạ tầng và mạng lưới mà một thay đổi về mô hình tổ chức mới tạo được. Đây là phép tính số học từ công cụ nội bộ, không phải giới hạn được kiểm chứng thực nghiệm, và không loại trừ khả năng thực hiện trong mô hình hiện hành nếu có nguồn lực phù hợp; kết quả chỉ nên xem là chỉ dấu chẩn đoán nhất quán với luận điểm của nghiên

cứu, không phải bằng chứng độc lập. Cả 12 tiêu chí đều thuộc nhóm tiêu chí chất lượng theo phân loại của Web of Science, tức nhóm quyết định khả năng vào ESCI, chưa chạm tới bốn tiêu chí ảnh hưởng của các chỉ mục nòng cốt [9].

4.3. Thiết kế hệ thống tạp chí hai hợp phần

Trên cơ sở chẩn đoán đó, hệ thống tạp chí được đề xuất theo hai hợp phần, phân tuyến theo chức năng và đối tượng độc giả thay vì cắt bỏ lĩnh vực. Hợp phần thứ nhất là Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, giữ vai trò tạp chí nòng cốt bằng tiếng Việt, là diễn đàn học thuật chung phục vụ nhu cầu công bố trong nước của cán bộ, giảng viên, học viên và nghiên cứu sinh. Trọng tâm nâng cấp của hợp phần này không phải là thu hẹp lĩnh vực, mà là chuẩn hóa quy trình và hạ tầng: kiện toàn hội đồng biên tập, ban hành bộ quy trình chuẩn về phản biện, đăng ký e-ISSN, đưa toàn bộ quy trình lên nền tảng quản lý bản thảo điện tử, áp dụng DOI và chuẩn siêu dữ liệu, hoàn thiện bộ chính sách đạo đức xuất bản.

Hợp phần thứ hai là tạp chí khoa học bằng

tiếng Anh theo định hướng quốc tế, dự kiến hình thành trên cơ sở phát triển và tách số tiếng Anh hiện hành thành một đầu tạp chí độc lập. Khác với hợp phần thứ nhất, hợp phần này có phạm vi hẹp và rõ, tập trung vào các hướng có lợi thế cạnh tranh và khả năng quốc tế hóa cao gồm kỹ thuật tài nguyên nước, kỹ thuật môi trường, tin học thủy văn, chống chịu khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai. Thiết kế này hướng tới giải quyết giới hạn thứ nhất nêu ở Mục 2.2: thay vì để một ấn phẩm đồng thời đảm nhiệm hai nhiệm vụ có chuẩn mực và độc giả

khác nhau, mỗi hợp phần được giao một nhiệm vụ rõ ràng với hội đồng biên tập, quy trình và tiêu chuẩn tương ứng, nhưng vẫn dùng chung hạ tầng, quy trình chuẩn và đầu mối vận hành.

4.4. Lộ trình dự kiến hướng tới mốc Scopus năm 2030

Lộ trình chuẩn hóa và chỉ mục hóa được đề xuất theo bốn mốc, trình bày tại Bảng 4; thời điểm thực hiện phụ thuộc vào phê duyệt, điều kiện cấp phép và nguồn lực, và mốc nộp hồ sơ không phải cam kết được chỉ mục.

Bảng 4. Lộ trình chuẩn hóa và chỉ mục hóa dự kiến giai đoạn 2026–2030

Mốc	Trọng tâm
7–12/2026	Hoàn thiện quy chế, quy trình dùng chung; xác định đầu mối chuyên trách; đăng ký e-ISSN; chuẩn bị thủ tục tách số tiếng Anh thành tạp chí độc lập
2027	Hoàn tất thủ tục thành lập cơ quan tạp chí khoa học khi được phê duyệt; phát hành số đầu tiên của tạp chí tiếng Anh độc lập và bắt đầu tích lũy lịch sử xuất bản; đưa cả hai hợp phần lên nền tảng quản lý bản thảo điện tử dùng chung; áp dụng DOI, ORCID và chuẩn siêu dữ liệu; ban hành bộ quy trình chuẩn và chính sách đạo đức xuất bản đầy đủ
2028–2029	Vận hành ổn định, tích lũy minh chứng về tính đúng hạn qua tối thiểu hai năm liên tục; kiện toàn hội đồng biên tập có thành viên quốc tế; phát triển số chuyên đề, mạng lưới phản biện và tác giả ngoài Trường; tự rà soát mức độ sẵn sàng hồ sơ theo bộ tiêu chí Scopus và 24 tiêu chí chất lượng của WoS
2030	Xem xét nộp hồ sơ Scopus đối với tạp chí tiếng Anh khi đủ minh chứng đáp ứng; chuẩn bị hồ sơ ESCI như tuyển bổ trợ; tiếp tục nâng chất lượng học thuật và dữ liệu trích dẫn của cả hai hợp phần

Mốc 2030 làm cho một ràng buộc kỹ thuật trở thành yếu tố quyết định. Các cơ sở dữ liệu quốc tế xem xét lịch sử xuất bản theo từng đầu tạp chí; một số tiếng Anh nằm trong cấu trúc của tạp chí tiếng Việt, dù được duy trì đều đặn từ năm 2020, không tự động chuyển hóa thành lịch sử xuất bản của tạp chí tiếng Anh độc lập. Do đó, nếu mục tiêu là nộp hồ sơ năm 2030 thì việc tách và phát hành số đầu tiên của tạp chí tiếng Anh cần hoàn tất trong năm 2027, chậm nhất là năm 2028, để đến thời điểm nộp hồ sơ tạp chí có từ hai đến ba năm lịch sử xuất bản liên tục cùng dữ liệu vận hành tương ứng. Scopus đã bỏ yêu cầu chờ đủ hai năm xuất bản từ tháng 8/2024 nhưng vẫn cần lịch sử và lượng nội dung đủ để đánh giá [11]; vì vậy khoảng thời gian trên là yêu cầu của kịch bản lập kế hoạch, không phải điều kiện bắt buộc của Scopus.

Song song, nghiên cứu đề xuất tiếp cận hai tuyển, trong đó Scopus là tuyển chính và ESCI là tuyển bổ trợ, chuẩn bị trên cùng một nền dữ liệu. Hai bộ tiêu chí trùng lặp lớn ở phần chuẩn mực biên tập và minh bạch quy trình, trong khi ESCI chưa đòi hỏi ngưỡng ảnh hưởng trích dẫn [9]; hai tuyển có thể dùng chung một phần minh chứng nhưng vẫn phải đáp ứng yêu cầu riêng của từng cơ sở dữ liệu, và bài viết chưa lượng hóa khối lượng công việc hoặc khả năng được chấp nhận của phương án song song.

4.5. Giải pháp ở cấp cơ sở giáo dục đại học

Thứ nhất, thiết lập bộ chỉ tiêu quản trị ngay từ đầu, vì dữ liệu vận hành chỉ có thể tích lũy theo thời gian; dữ liệu lịch sử chỉ nên bổ sung khi có hồ sơ truy xuất và kiểm chứng được. Bộ chỉ tiêu tối thiểu gồm tỷ lệ bài và phản biện ngoài đơn vị; tỷ lệ

thành viên hội đồng biên tập ngoài đơn vị và quốc tế; tỷ lệ bài có DOI; mức độ chuẩn hóa siêu dữ liệu; thời gian xử lý bản thảo trung bình; tỷ lệ từ chối; số bài tiếng Anh; tỷ lệ bài có tác giả quốc tế; và tỷ lệ xuất bản đúng hạn.

Thứ hai, xây dựng hạ tầng học thuật số dùng chung. Nền tảng quản lý bản thảo điện tử, dịch vụ DOI và Crossref, ORCID, chuẩn siêu dữ liệu, phần mềm kiểm tra trùng lặp và cơ chế lưu trữ số cần được triển khai một lần cho toàn hệ thống thay vì cho từng tạp chí; phương án này có tiềm năng giảm trùng lặp đầu tư và bảo đảm đồng nhất chuẩn dữ liệu, nhưng chi phí, phân quyền truy cập và trách nhiệm bảo trì cần được đánh giá cụ thể khi thiết kế.

Thứ ba, ban hành bộ chính sách xuất bản đầy đủ và công khai, gồm đạo đức xuất bản, bản quyền, xung đột lợi ích, xử lý đạo văn và trùng lặp, chia sẻ dữ liệu nghiên cứu, chính sách sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu và biên tập, đánh chính, rút bài, khiếu nại học thuật và lưu trữ. Thứ tư, chủ động tuân thủ các nghĩa vụ mới theo Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN [6], cụ thể hóa thành quy trình có phân công trách nhiệm rõ ràng. Thứ năm, phát triển nguồn bài một cách chủ động thông qua số chuyên đề gắn với hội thảo khoa học và các nhóm nghiên cứu mạnh, bài mời từ chuyên gia đầu ngành, mở rộng mạng lưới phản biện ngoài đơn vị và quốc tế.

4.6. Kiến nghị về cơ chế, chính sách và nguồn lực

Kiến nghị thứ nhất là về định mức tài chính đặc thù. Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu ban hành định mức chi cho hoạt động tạp chí khoa học, gồm thù lao phản biện, nhất là phản biện quốc tế; hiệu đính tiếng Anh; phí đăng ký và duy trì DOI, Crossref; phí phần mềm kiểm tra trùng lặp và nền tảng xuất bản điện tử. Đây là các khoản chi thiết yếu nhưng chưa có định mức thống nhất; căn cứ chi và thẩm quyền quyết định cần được rà soát theo quy chế áp dụng tại từng đơn vị.

Kiến nghị thứ hai là về vị trí việc làm và ghi nhận lao động học thuật. Đề nghị nghiên cứu công nhận vị trí việc làm chuyên trách về vận hành xuất

bản học thuật trong cơ sở giáo dục đại học, cùng cơ chế quy đổi giờ chuẩn hoặc ghi nhận tương đương cho công tác biên tập, phản biện và tham gia hội đồng biên tập. Thiếu bước này, đầu mỗi chuyên trách, cấu phần trung tâm của giải pháp, khó hình thành trên thực tế; đây là nội dung phần lớn vượt thẩm quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.

Kiến nghị thứ ba là về hạ tầng dùng chung ở quy mô liên trường. Đề nghị xem xét chủ trương xây dựng hạ tầng xuất bản học thuật dùng chung gồm nền tảng quản lý bản thảo, dịch vụ DOI, kiểm tra trùng lặp và lưu trữ số, phục vụ các tạp chí chưa có điều kiện đầu tư riêng; phương án này có thể giảm chi phí cố định của từng đơn vị và nâng mặt bằng chuẩn hóa, hiệu quả cụ thể cần được đánh giá khi thiết kế.

Kiến nghị thứ tư là về sự đồng bộ giữa chỉ tiêu công bố quốc tế và năng lực xuất bản trong kế hoạch của các bộ chủ quản. Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm 2026–2030 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường [12] đặt chỉ tiêu số công bố quốc tế của các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ tăng bình quân 10% mỗi năm và tối thiểu 02 tổ chức được xếp hạng bởi các tổ chức quốc tế uy tín như SCImago Institutions Rankings. Vì các bảng xếp hạng này dựa trên dữ liệu công bố và trích dẫn, năng lực xuất bản học thuật là điều kiện nền của chính các chỉ tiêu đó; kiến nghị xem xét bổ sung cấu phần phát triển tạp chí khoa học khi cụ thể hóa kế hoạch thành chương trình, nhiệm vụ.

Kiến nghị thứ năm là hình thành mạng lưới hợp tác giữa các tạp chí khoa học của các cơ sở giáo dục đại học: chia sẻ mạng lưới phản biện và chuyên gia quốc tế; chia sẻ kinh nghiệm chuẩn bị hồ sơ Scopus và Web of Science; bồi dưỡng nghiệp vụ biên tập, quản trị xuất bản; và cảnh báo chung về tạp chí, nhà xuất bản sẵn mời nhằm hỗ trợ giảng viên trẻ và nghiên cứu sinh nhận diện rủi ro khi lựa chọn nơi công bố.

4.7. Ba nguyên tắc và những nội dung còn đề ngỏ

Nguyên tắc thứ nhất là chất lượng trước, mở

rộng sau: không tăng số đầu tạp chí một cách cơ học, và điều kiện về nguồn bài cần được lượng hóa thành ngưỡng cụ thể thay vì đánh giá định tính. Nguyên tắc thứ hai là chuẩn hóa trước, chỉ mục hóa sau. Theo chính sách công khai của Scopus, tạp chí bị từ chối sẽ chịu một thời gian tạm hoãn trước khi được đề nghị xét lại và thời hạn cụ thể không được công bố cố định [8]; nghĩa là nộp hồ sơ khi chưa đủ điều kiện có thể làm chậm lộ trình chứ không đẩy nhanh nó. Với mốc dự kiến là năm 2030, việc chuẩn bị điều kiện trong giai đoạn 2026–2029 cần được thực hiện nghiêm túc và có kiểm đếm. Nguyên tắc thứ ba là vận hành thực chất trước, xây dựng thương hiệu quốc tế theo lộ trình sau.

Từ nguyên tắc thứ hai, nghiên cứu đề xuất bổ sung một số chỉ số quá trình mang tính hỗ trợ bên cạnh chỉ số kết quả KH02, phản ánh mức độ sẵn sàng hồ sơ của các tạp chí đang trong lộ trình: tỷ lệ bài có DOI; tỷ lệ thành viên hội đồng biên tập ngoài đơn vị và quốc tế; tỷ lệ tác giả ngoài đơn vị; thời gian xử lý bản thảo trung bình; và tỷ lệ xuất bản đúng hạn.

Ba nội dung còn đề nghị cần được nêu rõ để bảo đảm tính trung thực của nghiên cứu. Thứ nhất, do chưa vận hành nền tảng quản lý bản thảo điện tử, hiện chưa có số liệu hệ thống về số bản thảo nhận hằng năm, tỷ lệ từ chối, tỷ lệ bài ngoài đơn vị và thời gian xử lý; đây vừa là khoảng trống dữ liệu, vừa là một chỉ dấu phù hợp với luận điểm ở Mục 2.2, và vì vậy chưa thể đánh giá hiệu suất vận hành hoặc quy nguyên nhân cho mô hình tổ chức. Thứ hai, mô hình phụ thuộc vào việc hình thành đầu mối vận hành chuyên trách; phương án nhân sự bán chuyên trách kết hợp dịch vụ kỹ thuật bên ngoài trong giai đoạn quá độ cần được thẩm định về nguồn lực và khả năng duy trì. Thứ ba, đề xuất chuẩn bị hồ sơ cho một tạp chí tiếng Anh không đồng nghĩa với một tạp chí đã được chỉ mục; kết quả thuộc thẩm quyền đánh giá độc lập của từng cơ sở dữ liệu.

5. Kết luận

Nghiên cứu trường hợp gợi ý rằng con đường đưa các tạp chí khoa học đại học Việt Nam

tiếp cận Scopus và Web of Science không chỉ đi qua việc hỗ trợ nhiều hơn cho từng tạp chí đơn lẻ, mà còn đi qua việc thay đổi mô hình tổ chức hoạt động xuất bản khoa học trong cơ sở giáo dục đại học. Kết quả tự đánh giá 12,5 trên 26 điểm, trong đó nhóm năm tiêu chí về hạ tầng số, định danh học thuật, chuẩn trích dẫn và đa dạng nguồn gốc hội đồng biên tập, tác giả chỉ đạt 2,5 trên 10 điểm, cho thấy giới hạn của mô hình hiện hành: một tạp chí bước sang năm thứ 23, xuất bản liên tục đến Số 99 và có vị trí chuyên môn được thừa nhận trong nước vẫn còn dư địa cải thiện đáng kể, nhưng khó tự mình vượt qua nhóm tiêu chí hạ tầng và quốc tế hóa nếu không có hạ tầng dùng chung, đầu mối chuyên trách và cơ chế nhân sự, tài chính tương ứng.

Luật Báo chí năm 2025 đã mở ra không gian thể chế cho sự thay đổi này thông qua mô hình cơ quan tạp chí khoa học xuất bản nhiều tạp chí. Với mốc dự kiến nộp hồ sơ Scopus năm 2030, các điều kiện cần được chuẩn bị trong giai đoạn 2026–2029, trong đó việc tách và đưa vào vận hành tạp chí tiếng Anh độc lập trong năm 2027, chậm nhất năm 2028, là bước then chốt để bắt đầu tích lũy lịch sử xuất bản; việc triển khai phụ thuộc vào phê duyệt và nguồn lực, và mốc nộp hồ sơ không phải cam kết được chỉ mục. Đóng góp chính của nghiên cứu là chỉ ra rằng phần lớn các tiêu chí của Scopus và Web of Science là tiêu chí đánh giá năng lực tổ chức của đơn vị xuất bản, và cung cấp một công cụ tự đánh giá khoảng cách có thể được các cơ sở giáo dục đại học khác tham khảo, điều chỉnh và kiểm định trong các nghiên cứu tiếp theo. Hạn chế của nghiên cứu nằm ở phạm vi một trường hợp và ở việc công cụ tự đánh giá chưa được kiểm định độc lập; hướng nghiên cứu tiếp theo là mở rộng khảo sát ra nhiều tạp chí đại học để xác lập ngưỡng đối sánh và kiểm định độ tin cậy của bộ tiêu chí.

Nguồn tài trợ

Nghiên cứu này không nhận tài trợ từ bất kỳ tổ chức nào.

Đóng góp của tác giả

Đ.N.Q.: hình thành ý tưởng, thiết kế nghiên

cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, viết bản thảo và chỉnh sửa bản cuối.

Tuyên bố xung đột lợi ích

Tác giả trực tiếp tham gia xây dựng đề án phát triển hệ thống tạp chí khoa học được phân tích trong nghiên cứu này; ngoài quan hệ công tác nêu trên, tác giả không có xung đột lợi ích nào khác.

Tuyên bố về dữ liệu

Dữ liệu nền tổng hợp từ hồ sơ nội bộ và thông tin công khai của Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường; có thể được cung cấp qua tác giả liên hệ trong phạm vi được phép chia sẻ.

Tuyên bố về việc sử dụng AI tạo sinh

Trong quá trình chuẩn bị bài báo này, tác giả đã sử dụng Claude (Anthropic, tháng 8–9/2026) để hỗ trợ rà soát tài liệu, tổ chức lập luận và biên tập ngôn ngữ. Tác giả đã kiểm tra, chỉnh sửa nội dung sau khi sử dụng công cụ này và chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài báo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hà Nội, Việt Nam.
- [2] Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Hà Nội, Việt Nam.
- [3] Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội. (2026). Đề án số 01-ĐA/ĐU ngày 29/4/2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị. Hà Nội, Việt Nam.
- [4] Quốc hội. (2025). Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025. Hà Nội, Việt Nam.
- [5] Chính phủ. (2025). Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung. Hà Nội, Việt Nam.
- [6] Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN ngày 31/10/2025 quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.
- [7] Quốc hội. (2025). Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10/12/2025. Hà Nội, Việt Nam.
- [8] Elsevier. (2026). Scopus content policy and selection. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection> (truy cập ngày 09/8/2026).
- [9] Clarivate. (2026). Web of Science Core Collection: Journal evaluation process and selection criteria. <https://clarivate.com/academia-government/scientific-and-academic-research/research-discovery-and-referencing/web-of-science/web-of-science-core-collection/editorial-selection-process/journal-evaluation-process-selection-criteria/> (truy cập ngày 09/8/2026).
- [10] Quốc hội. (2016). Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05/4/2016. Hà Nội, Việt Nam.
- [11] Elsevier. (2024). Scopus content policy and selection changes. <https://blog.scopus.com/scopus-content-policy-and-selection-changes/> (truy cập ngày 08/9/2026).
- [12] Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2026). Quyết định số 2570/QĐ-BNNMT ngày 03/7/2026 ban hành Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026–2030. Hà Nội, Việt Nam.